

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Dự toán kinh phí đề tài “Ứng dụng phản ứng ghép nối Suzuki tổng hợp một số dẫn chất mới mang dị vòng tiềm năng điều trị ung thư thông qua ức chế enzyme histone deacetylase” mã số 104.01-2025.33 của Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Tên gói thầu: Mua hóa chất, vật tư phục vụ nghiên cứu đề tài mã số 104.01-2025.33

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.

- Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Dược Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới Trường Đại học Dược Hà Nội theo yêu cầu của tiến độ nghiên cứu kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hoàn thành đề tài nghiên cứu. Nhà thầu chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa.

- Hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được đóng gói, vận chuyển, bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hóa nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống) Chương IV của E-HSMT;

- Chất lượng hàng hóa: Nhà thầu cam kết cung cấp COA hoặc tài liệu có giá trị tương đương của hàng hóa khi bàn giao.

c. Nghiệm thu, bàn giao:

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu phải lập và đính kèm bảng kê hàng hóa dự thầu nêu tại bảng Yêu cầu kỹ thuật bên dưới, lưu ý phải ghi rõ, tên cụ thể của 01 loại hàng hóa, thông số kỹ thuật, ký mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất của hàng hóa đó để dự thầu.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo bảng dưới đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Hydroxylamine hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
2	Silica gel 200-400 mesh	Bột kết tinh trắng cỡ hạt 200-400 mesh
3	Ethyl 7-aminoheptanoate hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
4	Methyl 4-aminomethyl benzoate hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
5	Ethyl 7-bromoheptanoate	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
6	Methyl 4-(bromomethyl)benzoate	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
7	Methyl 4-(bromomethyl)cinnamate	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
8	1-(3-Dimethylaminopropyl)-3-ethylcarbodiimide hydrochloride (EDC.HCl)	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
9	Carbonyldiimidazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
10	N,N'-Dicyclohexylcarbodiimide	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
11	N,N-Dimethylformamide	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
12	Triphenylphosphine	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
13	Ethyl bromopyruvate	Độ tinh khiết $\geq 80\%$
14	2-Aminobenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
15	2-Amino-6-methylbenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
16	2-Amino-6-(trifluoromethyl)benzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
17	2-Amino-6-methoxybenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
18	2-Amino-6-fluorobenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
19	2-Amino-6-chlorobenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
20	2-Amino-6-bromobenzothiazole	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
21	6-bromo-2H-1,4-benzoxazin-3(4H)-one	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
22	7-bromo-2H-1,4-benzoxazin-3(4H)-one	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
23	Dichlorobis(tri-o-tolylphosphine)palladium(II)	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
24	Phenylboronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
25	4-pyrazoleboronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
26	1-methylpyrazole-4-boronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
27	1,3-dimethylpyrazole-4-boronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
28	4-isoxazol boronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
29	4-fluorophenylboronic acid pinacol ester	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
30	Natri sulfate khan	Độ tinh khiết $\geq 98\%$

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
31	Dichloromethane	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
32	Ethyl acetate	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
33	n-Hexane	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
34	Ethanol	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
35	Dimethyl sulfoxide	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
36	Acetonitrile	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
37	p-Toluenesulfonic acid monohydrate	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
38	Potassium tert-butoxide	Độ tinh khiết $\geq 98\%$
39	1,8-Diazabicyclo[5.4.0]undec-7-ene	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
40	Tetrahydrofuran	Độ tinh khiết $\geq 99\%$
41	1,4-Dioxane	Độ tinh khiết $\geq 98\%$

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- + Kiểm tra thành phần hoá chất, số lượng vật tư.
- + Kiểm tra dung tích, trọng lượng, khối lượng đầy đủ.
- + Kiểm tra hạn sử dụng: tối thiểu 12 tháng.

+ Hai bên tiến hành kiểm tra, thử nghiệm (nếu có) tại địa điểm giao hàng. Chi phí phát sinh do bên bán chịu.

Với những hàng hóa không đạt yêu cầu, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu kỹ thuật. Bên Bán phải xử lý, thay thế hàng hóa khác để đảm bảo thử nghiệm đạt yêu cầu.